



BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 028 38962938; Số Fax: 028 38968161
Email: ptchc.cdxd2@gmail.com; Website: <https://www.hcc2.edu.vn>

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO

	<i>Trang</i>
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM, BỘ MÔN VẬT LIỆU XÂY DỰNG	5
1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM	5
2. Thông tin khái quát về Bộ môn Vật liệu xây dựng phụ trách chương trình đào tạo nghề CNKT Vật liệu xây dựng.....	5
2.1. Thông tin khái quát về Bộ môn Vật liệu xây dựng.....	5
2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển.....	5
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	5
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của bộ môn.....	7
2.2.1. Cơ cấu tổ chức.....	7
2.2.2. Nhân sự:	7
2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề CNKT Vật liệu xây dựng	8
2.4. Các ngành nghề đào tạo của Bộ môn Vật liệu xây dựng	8
2.5. Cơ sở vật chất của bộ môn.....	8
2.5.1. Phòng học, nhà xưởng	Error! Bookmark not defined.
2.5.2. Thiết bị đào tạo.....	8
2.6. Thành tích của bộ môn	8
3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề CNKT Vật liệu xây dựng.....	9
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	9
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	10
3.2.1. Mục tiêu chung.....	10
3.2.2. Mục tiêu cụ thể	10
3.3. Phương thức đào tạo:.....	12
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	12
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	15

1. Tổng quan chung	15
1.1 Căn cứ tự đánh giá	15
1.2 Mục đích tự đánh giá	15
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	15
1.4 Phương pháp tự đánh giá	16
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	16
2. Tự đánh giá.....	17
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	17
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	22
2.2.1. TIÊU CHÍ 1: <i>Mục tiêu quản lý và tài chính</i>	22
2.2.2. TIÊU CHÍ 2: <i>Hoạt động đào tạo</i>	32
2.2.3. TIÊU CHÍ 3: <i>Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	52
2.2.4. TIÊU CHÍ 4: <i>Chương trình, giáo trình</i>	71
2.2.5. TIÊU CHÍ 5: <i>Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>	91
2.2.6. TIÊU CHÍ 6: <i>Dịch vụ cho người học</i>	109
2.2.7. TIÊU CHÍ 7: <i>Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	120
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM	130
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	131
PHỤ LỤC	132

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
Bộ Lao động - TB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
BGH	Ban giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
GV	Giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CNVC	Công nhân viên chức
NLĐ	Người lao động
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
BCH	Ban chấp hành
UBND	Ủy ban nhân dân
CD, TC	Cao đẳng, Trung cấp
CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
GDCT	Giáo dục chính trị
HSSV	Học sinh, sinh viên
CHSSV	Cựu học sinh, sinh viên
DN	Doanh nghiệp
MC	Minh chứng
NĐ- CP	Nghị định – Chính phủ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
TCN	Trung cấp nghề
KT&ĐBCL	Khảo thí & đảm bảo chất lượng
MH, MĐ	Môn học, mô đun
KTX	Ký túc xá
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở

*PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM,
BỘ MÔN VẬT LIỆU XÂY DỰNG*

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM

Tên trường : **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

Tên Tiếng Anh: **HOCHIMINH CITY COLLEGE OF CONSTRUCTION**

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng

Địa chỉ trường: 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Số điện thoại liên hệ: 0838960087 – 0838962938

Số Fax: 083.8968161

Email: ptchc.cdxd2@gmail.com

Website: www.hcc2.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2017

Loại hình trường: Công lập: ☒ Tư thực: ☐

2. Thông tin khái quát về Bộ môn Vật liệu xây dựng phụ trách chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng

2.1. Thông tin khái quát về Bộ môn Vật liệu xây dựng

Tên đơn vị: Bộ môn Vật liệu xây dựng (trực thuộc Ban Giám hiệu)

Tên Tiếng Anh: Building Materials Department

Số điện thoại: (084) 028 37223038

Email: bmvlxd.dhxdtp HCM@yahoo.com.vn

2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Bộ môn Vật liệu xây dựng trực thuộc Ban Giám hiệu được thành lập từ năm 2005 theo quyết định số 50/QĐ-CĐXD2 ngày 14 tháng 1 năm 2005 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 (nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh). Với chức năng và nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội. Hiện tại Bộ môn Vật liệu xây dựng đang phụ trách đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng trình độ cao đẳng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

a. Chức năng:

Là đơn vị quản lý chuyên môn của Trường, trực tiếp quản lý toàn diện quá trình tổ chức, phục vụ đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.

Quản lý, tổ chức giảng dạy và biên soạn chương trình, giáo trình các môn cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng bậc đào tạo cao đẳng, các hệ đào tạo chính quy, không chính quy trong trường và liên kết ngoài trường.

b. Nhiệm vụ:

Quản lý giảng viên, người lao động và người học thuộc bộ môn theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo định hướng phát triển chung của Trường, bao gồm: Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học; xây dựng đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HSSV, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng đào tạo sinh viên do bộ môn quản lý;

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của bộ môn;

Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thuộc bộ môn;

Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong bộ môn và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

Quản lý nhập điểm các học môn học, mô đun do bộ môn quản lý;

Quản lý tài sản, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo thuộc lĩnh vực do bộ môn quản lý, sử dụng;

Tổ chức cho sinh viên thực tập tại các cơ sở sản xuất;

Phối hợp với các đơn vị để khảo sát và đánh giá sinh viên;

Đào tạo các nghề ngắn hạn do bộ môn phụ trách;

Làm mô hình học cụ.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

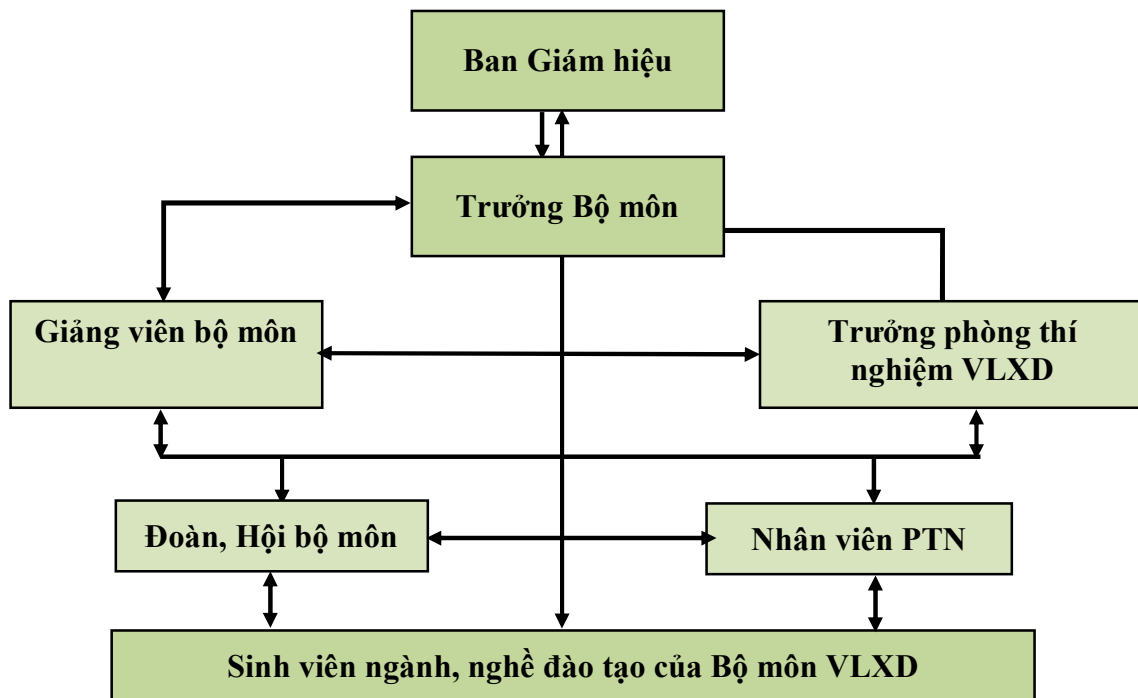
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của bộ môn

2.2.1. Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu tổ chức Bộ môn Vật liệu xây dựng bao gồm lãnh đạo (Trưởng bộ môn), thư ký bộ môn, giảng viên và Phòng thí nghiệm VLXD trực thuộc bộ môn.

- Cấp lãnh đạo bộ môn thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của Bộ môn Vật liệu xây dựng được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM. Phòng thí nghiệm VLXD thực hiện công việc chuyên môn và mảng công việc cụ thể được bộ môn phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÔN VẬT LIỆU XÂY DỰNG



2.2.2. Nhân sự:

Bộ môn Vật liệu xây dựng hiện có 06 người. Trình độ đào tạo cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	05	00	05
Đại học	00	01	01
Tổng số	05	01	06

Đội ngũ viên chức quản lý Bộ môn

Đội ngũ viên chức quản lý bộ môn gồm có 02 người: 01 trưởng Bộ môn và 01 trưởng phòng thí nghiệm.

2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề CNKT Vật liệu xây dựng

Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy nghề CNKT Vật liệu xây dựng là 18 giảng viên, trong đó 12 giảng viên giảng dạy các môn chung và môn cơ sở, 06 giảng viên giảng dạy môn chuyên ngành, tất cả là giảng viên cơ hữu của Trường.

2.4. Ngành nghề đào tạo của Bộ môn Vật liệu xây dựng:

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	Cao đẳng

2.5. Cơ sở vật chất của bộ môn

Bộ môn Vật liệu xây dựng là một bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu, tương đương khoa chuyên môn của trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM, được đầu tư trang thiết bị giảng dạy, phòng thí nghiệm tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu cấp trình độ cao đẳng Nghề Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng.

Hạng mục, công trình do đơn vị quản lý, sử dụng bao gồm:

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng Bộ môn	m ²	30	Đã hoàn thành
2	Phòng học lý thuyết	m ²	300	Đã hoàn thành
3	Phòng thí nghiệm	m ²	650,2	Đã hoàn thành

Trang thiết bị văn phòng do đơn vị quản lý

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Tổng số máy tính của đơn vị	Chiếc	03	
2	Máy scan	Chiếc	01	
3	Máy in A4	Chiếc	03	

2.6. Thành tích của bộ môn

Là một trong những khoa bộ môn tiêu biểu của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động. Qua quá trình hoạt động lâu dài, Bộ môn Vật liệu xây dựng đã đúc kết được nhiều kiến thức, kinh nghiệm có giá trị trong tổ chức đào tạo, có bước chuyển mình mạnh mẽ trong định hướng, phương pháp giảng dạy, xây dựng và phát triển cả về chuyên môn lẫn cơ sở vật chất cho đến chất lượng đào tạo, đã tạo dựng “thương hiệu” sản phẩm nghề CNKT Vật liệu xây dựng luôn được các doanh nghiệp đón nhận, điều đó khẳng định qua kết quả 100% sinh viên ngành CNKT Vật liệu xây dựng ra trường có việc làm.

Từ năm 2008 đến năm 2012 Bộ môn Vật liệu xây dựng đã liên tục được Bộ Xây dựng công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Năm học 2017-2018, 2018-2019 Bộ môn Vật liệu xây dựng đã được Bộ Xây dựng công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 Bộ môn Vật liệu xây dựng đã được Nhà trường công nhận danh hiệu tập thể lao động tiến tiến.

3. Thông tin về chương trình đào tạo ngành nghề CNKT Vật liệu xây dựng

3.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh - tiền thân là Trường Trung học Xây dựng Số 7 (được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ xây dựng). Đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 (Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ). Đến năm 2017 trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh.

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức gồm: 06 Phòng chức năng, 06 Trung tâm và 05 Khoa/Bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu. Với quy mô gần 3000 sinh viên học sinh đang theo học, hiện tại trường đang đào tạo 14 ngành ở bậc cao đẳng gồm: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Kế toán; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Cấp thoát nước; Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý xây dựng; Quản lý tòa nhà; Trắc địa công trình; Điện công nghiệp; Quản trị kinh doanh bất động sản; Thiết kế nội thất và Logistics. Bậc trung cấp chuyên nghiệp đào tạo 05 ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Cấp thoát nước; Thiết kế nội thất và Hoạ viên kiến trúc.

Cùng với sự phát triển của các nghề được đào tạo hiện nay tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng được phát triển liên tục dựa trên nền tảng truyền thống và lâu đời; đội ngũ giảng viên có tay nghề

cao. Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng luôn được cập nhật các kiến thức mới, các công nghệ cao đưa vào giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong và ngoài nước. Trong xây dựng chương trình đào tạo bộ môn cũng kết hợp với các doanh nghiệp đóng góp các ý kiến nhằm hoàn thiện chương trình. Nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng tay nghề cho sinh viên, vừa học tập và làm việc trực tiếp ra các sản phẩm trải nghiệm môi trường làm việc tại các nhà máy xí nghiệp, công trường với các trang thiết bị máy móc hiện đại phong phú đa dạng.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng trình độ Cao đẳng nhằm mục đích trang bị cho người học sự phát triển toàn diện, có phẩm chất chính trị và có tư cách đạo đức. Ngoài ra, người học sau khi được đào tạo sẽ có đầy đủ năng lực làm việc theo đúng chuyên môn của một Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng, đáp ứng được các yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Số lượng học phần toàn khóa học: 28 học phần

Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 79 tín chỉ (1.935 giờ), trong đó:

- Khối lượng các học phần chung/đại cương: 21 tín chỉ (435 giờ)
- Khối lượng các học phần chuyên môn: 58 tín chỉ (1.500 giờ), trong đó:
 - + Khối lượng lý thuyết: 27 tín chỉ (430 giờ)
 - + Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 31 tín chỉ (1.070 giờ)

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng sẽ trang bị cho người học các mục tiêu (MT) cụ thể như sau:

MT1: Trình bày thành thạo kiến thức chính trị, pháp luật, an ninh – quốc phòng ...và kiến thức cơ sở ngành;

MT2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và tư duy sáng tạo;

MT3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm;

MT4: Vận hành tốt các năng lực hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá;

MT5: Liệt kê được các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Các mục tiêu trên được chi tiết hoá thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm (gọi tắt là Chuẩn đầu ra - CĐR) như sau:

a. Kiến thức:

a.1. Kiến thức chung:

- CĐR 1: Trình bày được kiến thức cơ bản về chính trị, khoa học xã hội, tự nhiên, nhân văn nghệ thuật, ngoại ngữ, tin học.

a.2. Kiến thức chuyên môn:

- CDR 2: Trình bày được kiến thức chuyên môn về các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng được sử dụng phổ biến hiện nay trong ngành xây dựng. Hiểu biết và am tường về công nghệ sản xuất các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng khác nhau;
- CDR 3: Vận dụng được những kiến thức nghề nghiệp đã được đào tạo vào trong thực tế sản xuất và công tác sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện xây dựng tại công trường. Giám sát và giải quyết được các vấn đề về công nghệ (trong phạm vi cho phép theo quy định) trong các công ty, nhà máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng;
- CDR 4: Trình bày được quy trình thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- CDR 5: Vận dụng được các quy định an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- CDR 6: Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định
- CDR 7: Tổ chức và triển khai được công nghệ, quá trình sản xuất trong các nhà máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng;
- CDR 8: Lập được kế hoạch và tiến độ sản xuất;
- CDR 9: Giao tiếp tốt, xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình sản xuất;
- CDR 10: Thực hiện thành thạo các thí nghiệm về vật liệu xây dựng;
- CDR 11: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- CDR 12: Hướng dẫn và giám sát được những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm;
- CDR 13: Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- CDR 14: Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- CDR 15: Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

b. Kỹ năng:

- CDR 16: Hiểu được các bản vẽ kỹ thuật, công nghệ sản xuất trong các nhà máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng;
- CDR 17: Tổ chức và triển khai được công nghệ, quá trình sản xuất trong các nhà máy sản xuất vật liệu và cấu kiện xây dựng; Lập được kế hoạch và tiến độ sản xuất;
- CDR 18: Giao tiếp tốt, xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình sản xuất;
- CDR 19: Thực hiện thành thạo các thí nghiệm về vật liệu xây dựng.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- CDR 20: Vận dụng thành thạo kiến thức đã học để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ;
- CDR 21: Làm việc độc lập hoặc làm việc được theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- CDR 22: Hướng dẫn và giám sát được những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm;

- CDR 23: Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- CDR 24: Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- CDR 25: Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kiểm soát chất lượng (QA/QC) bê tông và vật liệu xây dựng;
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất kinh doanh các loại phụ gia trong xây dựng;
- Chuyên gia phòng thí nghiệm chuyên ngành LAS-XD, VILAS;
- Chuyên gia phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới;
- Vận hành Phòng điều khiển trung tâm;
- Chuyên gia Hỗ trợ kỹ thuật (tư vấn kỹ thuật, xử lý khiếu nại khách hàng);
- Cán bộ kỹ thuật các công ty sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể tại các vị trí:
 - + Gia công nguyên liệu, phối liệu chuẩn bị sản xuất;
 - + Tạo hình, trang trí sản phẩm;
 - + Gia công nhiệt sản phẩm;
 - + Phân loại, hoàn thiện và đóng gói sản phẩm;
 - + Kiểm soát chất lượng sản phẩm.

3.3 Phương thức đào tạo

- Phương thức đào tạo đang được áp dụng đối với chương trình đào tạo là dạy tập trung, vừa học vừa thực hành, tiếp cận thực tế qua các đợt tham quan, thực tập sản xuất tại cơ sở.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy tập trung tại trường là truyền đạt kiến thức trực tiếp cho học sinh, sinh viên. Giải đáp các thắc mắc và yêu cầu của sinh viên ngay tại chỗ. Tạo môi trường học tập lành mạnh, hoà đồng.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy sinh viên vừa học vừa thực hành là sinh viên được áp dụng kiến thức vào thực tế công việc, được tiếp cận với máy móc, trang thiết bị nhằm rèn luyện tay nghề, nâng cao kỹ năng.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo tiếp cận thực tế qua các đợt thực tập sản xuất tại cơ sở là sinh viên được trực tiếp làm việc như một nhân viên tại các đơn vị thực tập, được trải qua môi trường làm việc thực tế với các kiến thức đã học và các kiến thức mới.

3.4 Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
A. CÁC HỌC PHẦN CHUNG/ĐẠI CƯƠNG			21	435	173	239	23
1	23200102	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	23100102	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	23102103	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	4	75	36	35	4
5	23103105	Tin học	3	75	15	58	2
6		Tiếng Anh					
6.1	23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
6.2	23300102	Anh văn 2	2	45	15	28	2
6.3	23300106	Anh văn 3	2	30	28	0	2
B. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN NGHỀ			53	1275	364	845	66
I		Học phần cơ sở	12	255	109	128	18
1		Học phần bắt buộc					
1.1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
1.2	23900119	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	1	30	0	25	5
1.3	23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2
1.4	23506112	Kỹ thuật thi công	3	60	36	20	4
2		Học phần tự chọn (<i>chọn 1 trong 2 học phần</i>)					
2.1	23506125	Trắc địa	3	60	28	28	4
2.2	23700101	Cấp thoát nước công trình	3	60	30	26	4
II		Học phần chuyên môn	41	1020	255	717	48
1	23900109	Lý thuyết bê tông	3	75	15	58	2
2	23900103	Công nghệ bê tông	3	75	15	58	2
3	23900108	Kỹ thuật sản xuất chất kết dính	3	75	15	55	5
4	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	60	30	27	3
5	23900110	Máy và thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng	3	60	30	28	2
6	23900121	Kiểm định vật liệu và công	3	60	30	28	2

		trình xây dựng					
7	23900101	Chống xâm thực bê tông	3	60	30	28	2
8	23900122	Vật liệu cách nhiệt	3	60	30	27	3
9	23900120	Phụ gia trong xây dựng	3	60	30	27	3
10	23900107	Kỹ thuật bê tông đặc biệt	2	45	15	28	2
11	23900113	Thí nghiệm vật liệu xây dựng chuyên ngành	3	90	0	85	5
12	23900102	Công nghệ kỹ thuật vật liệu không nung	3	75	15	58	2
13	23900123	Kiến tập thực tế	3	90	0	85	5
14	23900115	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	125	10
C. CÁC HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP			5	225	0	225	
1	23900105	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	225	0
2		Học phần thay thế (nếu không làm khóa luận tốt nghiệp)	5	105	45	55	5
2.1	23900124	Kỹ thuật lấy mẫu và xử lý số liệu	2	45	15	28	2
2.2	23900125	Nguyên lý lò công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
	Tổng cộng		79	1935	537	1309	89

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ phụ lục công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023 số 66/KH-CDXD ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh.

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chương trình, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình, đồng thời phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện khắc phục qua đó giúp trường, khoa bộ môn chuyên môn hoạch định chiến lược phát triển trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của khoa/bộ môn chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình nghề CNKT Vật liệu xây dựng trình độ cao đẳng..

1. Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 7 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng. Nhà trường lập kế hoạch và phân công các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại, nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị và gửi hội đồng tự đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng của Hội đồng đánh giá

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình nhà Trường phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	êu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
5.2	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và	3	3

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	êu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
Ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CDXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-CDXD ngày 01/2/2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng gồm có 19 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng năm học 2022-2023 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Bá Khiêm



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIỆU XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 138/QĐ-CDXD ngày 27 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Phạm Minh Đức	Trưởng Bộ môn Vật Liệu Xây Dựng	Phó Chủ Tịch HĐ
3	Lê Thị Hoa	Thư ký Bộ môn Vật Liệu Xây Dựng	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu trưởng	Ủy Viên
6	Bùi Tấn Phát	Giảng viên Bộ môn Vật Liệu Xây Dựng	Ủy viên
7	Hà Hải Sơn	Giảng viên Bộ môn Vật Liệu Xây Dựng	Ủy viên
8	Nguyễn Hòa Dương	Giảng viên Bộ môn Vật Liệu Xây Dựng	Ủy viên
9	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
10	Dương Công Đức	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Nguyễn Đình Đa	Trưởng Phòng Tổ chức HC	Ủy viên
12	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
13	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
15	Vũ Sĩ Tuấn	GD. Trung tâm Đào tạo TH-UDCNXD	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Hồ Đăng Khoa	Công ty CP Bê tông Ly Tâm Thủ Đức	Ủy viên
19	Phan Cượng	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng SCG	Ủy viên

(Danh sách này gồm 19 người ./.) *Tul*